

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 613/2024/DS-PT

Ngày: 04-12-2024

V/v tranh chấp quyền về lỗi đi qua

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Rên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Lê Văn Phận

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Diễm Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:** Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp quyền về lỗi đi qua.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS – ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4528/2024/QĐ – PT ngày 13 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Bé Đ, sinh năm 1995.

Địa chỉ: số A, ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu phố E, phường M, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1967;

2.2. Bà Hồ Thị Bé T, sinh năm 1967;

2.3. Ông Nguyễn Minh D.

Cùng địa chỉ: ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Minh H1, bà Hồ Thị Bé T: Bà Trần Thị Ngọc Như Ý, sinh năm 1992. Địa chỉ: số C, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

3. Người làm chứng do nguyên đơn mời: Ông Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp F, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre.

4. Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Minh H1, bà Hồ Thị Bé T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé Đ trình bày:

Ông Nguyễn Văn Bé Đ là chủ sử dụng thửa đất số 729, tờ bản đồ số 9, tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre, có nguồn gốc do ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh H2 vào năm 2022. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, có đường đi trước thửa 729 để ra đường bê tông đi ra Quốc lộ F. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đ chờ vật tư xây nhà bằng con đường này không có ai ngăn cản. Ngày 28/12/2022 và ngày 30/12/2022, vợ chồng ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T xây tường gạch trên phần đất thuộc thửa đất số 217, tờ bản đồ số 9 của ông H1 tại vị trí giáp với thửa 729, chắn ngang lối đi từ nhà ông Đ ra đường bê tông. Ông Đ đã yêu cầu Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã A giải quyết nhưng không thành. Ngoài lối đi này, gia đình ông Đ không còn lối đi nào khác để ra đường công cộng. Lối đi ông Đ yêu cầu là lối đi duy nhất đã được gia đình ông Nguyễn Thanh H2 sử dụng từ lâu trước khi ông Đ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xây nhà. Từ khi bị đơn rào lối đi gia đình ông Đ phải đi nhờ qua đất của ông Nguyễn Thanh H2 và ông Thanh H2 chỉ cho đi tạm chờ Tòa án giải quyết.

Ông Đ yêu cầu ông Minh H1 và bà Bé T tháo dỡ tường rào xây kiên cố, mở cho gia đình ông Đ lối đi có diện tích 0,4m², chiều dài 05m, chiều ngang đầu phía Bắc là 0,16m, chiều ngang đầu phía Nam là 0,06m thuộc một phần thửa 217, tờ bản đồ số 9 do ông Nguyễn Minh H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/4/2024 của Công ty TNHH T3). Ông Đ đồng ý bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất mở lối đi là 5.000.000 đồng/m² (mức giá cao nhất) và giá trị của bức tường gạch theo giá Hội đồng định giá đã xác định. Ông Đ không có ý kiến về kết quả đo đạc, thẩm định, định giá và ông tự nguyện chịu các chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đ xác định ông chỉ tranh chấp quyền về lối đi qua, không tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất) với ông Nguyễn Minh H1 và ông tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện mở lối đi đối với ông Nguyễn Minh D.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T trình bày:

Thửa đất số 217, tờ bản đồ số 9 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Minh H1, hiện ông H1 và bà Hồ Thị Bé T đang quản lý, sử dụng đất. Nguyên đơn yêu cầu mở lối đi trên thửa 217 là không hợp lý vì phần đất ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh H2 không có lối đi tại vị trí lối đi đang tranh chấp. Khi ông Thanh H2 sử dụng đất, ông Hoàng R hết đất có chừa lối đi phía trong qua đất ông Thanh H2 để ra đường công cộng. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa 729 của ông Thanh H2, ông Đ và mẹ ông Đ là bà Nguyễn Thị K có đến hỏi ông Minh H1 và bà Bé T được đi nhờ tại vị trí lối đi đang tranh chấp; ông Minh H1 và bà Bé T không đồng ý, yêu cầu gia đình ông Đ sử dụng lối đi chung với gia đình ông Thanh H2 vì phần đất của ông Minh H1 không thể mở nhiều lối đi cho nhiều hộ dân. Tuy nhiên, vì tình làng nghĩa xóm, ông Minh H1 và bà Bé T cho gia đình ông Đ đi tạm để vận chuyển vật tư xây nhà, xây xong phải rào lại. Sau khi xây nhà xong ông Đ tiếp tục đi lại, ông Minh H1 và bà Bé T không đồng ý và rào thửa đất bằng trụ xi măng lưới B40. Quá trình hòa giải tại UBND xã A, phía ông Đ cho rằng nếu xác định là đất của phía ông Minh H1 thì ông Minh H1 và bà Bé T1 tự rào lại. Ông Minh H1 và bà Bé T có nhờ đoàn đo đạc 02 lần đến định vị, đo đạc, cắm trụ xác định ranh đất, để bảo vệ tài sản của gia đình ông Minh H1 và bà Bé T đã xây tường gạch và có báo chính quyền địa phương. Phần đất ông Đ cho rằng là đường đi công cộng và yêu cầu mở lối đi vẫn thuộc quyền sử dụng đất của ông Minh H1 và bà Bé T.

Ngoài lối đi tranh chấp, gia đình ông Đ còn lối đi khác đã có từ rất lâu, đi chung với lối đi qua đất của ông Thanh H2 đến đất ông T2 để ra đường công cộng. Mặt khác, ông Thanh H2 là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Đ nên có nghĩa vụ tạo lối đi cho gia đình ông Đ. Vì vậy, ông Minh H1 và bà Bé T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS – ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn Bé Đ về việc tranh chấp quyền về lối đi qua. Buộc ông Nguyễn Minh H1, bà Hồ Thị Bé T tháo dỡ bức tường xây gạch dày 10cm, cao 2,2m, dài 05m; mở cho ông Nguyễn Văn Bé Đ lối đi tại vị trí có ký hiệu A; diện tích 0,4m²; có chiều dài 05m, chiều ngang đầu phía Bắc là 0,16m; chiều ngang đầu phía Nam là 0,06m thuộc thửa 217, tờ bản đồ số 9,

tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh H1 đứng tên quyền sử dụng đất (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/4/2024 của Công ty TNHH T3). Hạn chế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh H1, bà Hồ Thị Bé T đối với phần diện tích được chấp nhận làm lối đi.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé Đ về yêu cầu mở lối đi đối với ông Nguyễn Minh D.

3. Ông Nguyễn Văn Bé Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Minh H1, bà Hồ Thị Bé T tổng cộng là 7.237.000 đồng, bao gồm giá trị phần đất mở lối đi là 2.000.000 đồng, giá trị bức tường xây gạch dày 10cm, cao 2,2m, dài 05m là 5.237.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/9/2024, bị đơn ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: ông Nguyễn Thanh H2 thừa nhận quá trình sử dụng đất ông Thanh H2 đã bơm cát, rào thửa đất của ông từ năm 2014 và sử dụng lối khác ra đường công cộng không đi đường bê tông trên thửa đất của bị đơn. Khi thửa đất 729 còn thuộc quyền sử dụng đất của ông Thanh H2 thì ông không sử dụng lối đi đang tranh chấp, ông Thanh H2 tách thửa chuyển nhượng cho nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ mở lối đi cho nguyên đơn. Nếu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì trên thửa đất của bị đơn phải mở nhiều lối đi, tháo dỡ bức tường rào sẽ gây thiệt hại cho bị đơn. Mặt khác, nguyên đơn vẫn có lối đi khác đi ra đường công cộng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: phần đất nguyên đơn yêu cầu mở lối đi bị đơn chỉ cần tháo dỡ bức tường là nguyên đơn đi ra được đường công cộng, diện tích mở lối đi nhỏ ít gây thiệt hại cho bị đơn và nguyên đơn cũng tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và bức tường cho bị đơn. Lối đi nguyên đơn yêu cầu đã có trước khi nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, sau khi nhận chuyển nhượng thửa 729 nguyên đơn vẫn sử dụng lối đi này để vận chuyển vật tư xây nhà nhưng do giữa mẹ nguyên đơn và phía bị đơn có xung đột nên bị đơn xây tường ngăn lối đi. Đối với lối đi ông Thanh H2 cho gia đình bị đơn đi tạm thì đi qua trước nhà của ông Thanh H2, không thuận tiện. Do đó, nguyên

đơn không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Người làm chứng ông Nguyễn Thanh H2 trình bày: khi ông chuyển nhượng thửa 729 cho nguyên đơn thì thửa 729 đã giáp đường bê tông, phần ranh giữa đất của ông và ông Minh H1 không phải đường thẳng nhưng khi đo đạc, ông không có mặt, bị đơn chỉ đo thì ranh đất trở thành đường thẳng là không đúng. Phần lối đi đang tranh chấp thực tế một phần của ông, một phần của ông Minh H1, trước khi tranh chấp thì từ thửa 729 đi ra tới đường đan không có ngăn cách. Hiện tại ông có cho nguyên đơn đi nhờ trước cửa nhà ông để ra đường bê tông do nguyên đơn quá bí bách về lối đi, nhưng ông chỉ cho đi tạm chờ kết quả Tòa án giải quyết. Nếu cho nguyên đơn đi qua đất của ông thì rất bất tiện, lối đi rất gần cửa chính nhà ông, sẽ gây khó khăn trong việc quản lý tài sản của gia đình ông nên ông không đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 99/2024/DS – ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Văn Bé Đ là chủ sử dụng thửa đất số 729, tờ bản đồ số 9, tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre. Thửa đất 729 bị vây bọc bởi các bất động sản liền kề, từ thửa đất của ông Đ để ra đường công cộng phải đi qua thửa đất số 217, tờ bản đồ số 9 của ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T.

Ông Đ trình bày khi thửa đất số 729 còn thuộc quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Thanh H2 thì ông Thanh H2 đã sử dụng lối đi tại vị trí đang tranh chấp để ra đường bê tông đi ra Quốc lộ F, sau khi ông Đ nhận chuyển nhượng thửa 729 từ ông Thanh H2 thì gia đình ông vẫn sử dụng lối đi này để chở vật liệu xây dựng nhà trên thửa 729. Sau đó, ông Minh H1 và bà Bé T tự ý xây bức tường rào chắn ngang

lối đi, gia đình ông Đ không còn lối đi nào khác để đi ra đường công cộng. Ông Đ khởi kiện yêu cầu ông Minh H1 và bà Bé T tháo dỡ bức tường, mở cho gia đình ông Đ lối đi tại vị trí ký hiệu A, diện tích $0,4m^2$, có chiều dài 05m, chiều ngang đầu phía Bắc là 0,16m, chiều ngang đầu phía Nam là 0,06m thuộc một phần thửa đất số 217.

Bị đơn cho rằng nguyên đơn nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất 729 từ ông Nguyễn Thanh H2 thì ông Thanh H2 phải có nghĩa vụ tạo lối đi cho nguyên đơn đi ra đường bê tông bị đơn đã cho các hộ dân sử dụng ra đường Quốc lộ 60. Ngoài ra, hiện nguyên đơn vẫn còn lối đi khác là qua thửa đất của ông Thanh H2 để ra đường bê tông trên thửa 217 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Trên thửa đất số 217 có 01 con đường bê tông (vẫn thuộc quyền sử dụng đất của bị đơn) được nhiều hộ dân sử dụng để đi ra Quốc lộ F, ngăn cách giữa thửa 729 của ông Đ và con đường bê tông là bức tường gạch dày 10cm, cao 2,2m, dài 05m được bị đơn xây dựng trên phần đất thuộc thửa 217. Bị đơn cho rằng nguyên đơn có thể đi qua thửa đất của ông Thanh H2 để ra đường bê tông, tuy nhiên qua làm việc ông Nguyễn Thanh H2 chỉ đồng ý cho nguyên đơn đi tạm qua đất của ông trong thời gian chờ kết quả giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn, không đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn.

Thấy rằng, lối đi nguyên đơn yêu cầu có diện tích $0,4m^2$ (ký hiệu A), chiều dài 05m, chiều ngang đầu phía Bắc là 0,16m, chiều ngang đầu phía Nam là 0,06m thuộc một phần thửa 217 có vị trí tiếp giáp đường bê tông thuộc thửa 217 để đi ra Quốc lộ F. Đối với lối đi nguyên đơn đang đi tạm thì sau khi đi qua thửa đất của ông Thanh H2 nguyên đơn phải đi qua phần đất thuộc thửa 217 để đến đường bê tông đi ra Quốc lộ F. Như vậy, cả hai lối đi nêu trên nguyên đơn đều phải đi qua thửa 217 của bị đơn để ra đến đường bê tông nhưng lối đi nguyên đơn yêu cầu có diện tích $0,4m^2$ nhỏ hơn rất nhiều so với diện tích lối đi qua đất của ông Thanh H2, mặt khác ông Thanh H2 cũng không đồng ý mở lối đi cho nguyên đơn. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng thừa nhận sau khi nguyên đơn nhận chuyển nhượng thửa 729 thì bị đơn vẫn cho nguyên đơn sử dụng lối đi đang tranh chấp để vận chuyển vật tư xây dựng nhà trên thửa 729, không ngăn cản nguyên đơn sử dụng lối đi, việc bị đơn xây tường rào chắn ngang lối đi là do giữa mẹ của nguyên đơn và bị đơn phát sinh tranh chấp.

Như vậy, có căn cứ xác định ngoài lối đi qua thửa đất số 217 ra đường bê tông trên thửa 217 của ông Minh H1 thì nguyên đơn không còn lối đi nào khác ra đường công cộng, lối đi tại vị trí nguyên đơn yêu cầu là thuận tiện nhất, ít gây thiệt hại và ít ảnh hưởng nhất đến việc sử dụng đất của các bên đương sự kể cả ông Nguyễn Thanh H2 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn là chủ sở hữu bất động sản vây bọc dành

cho nguyên đơn một lối đi hợp lý trên thửa 217, tờ bản đồ số 9 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật Dân sự. Đồng thời, việc bị đơn xây dựng tường rào tại vị trí lối đi tranh chấp không bao quanh toàn bộ thửa đất của bị đơn nên không đảm bảo việc quản lý tài sản như bị đơn trình bày. Bên cạnh đó, nguyên đơn cũng tự nguyện bồi thường toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất phần diện tích mở lối đi và bức tường nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại cho bị đơn.

Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Minh H1, bà Hồ Thị Bé T tháo dỡ bức tường xây gạch dày 10cm, cao 2,2m, dài 05m; mở cho nguyên đơn lối đi tại vị trí có ký hiệu A diện tích 0,4m², chiều dài 05m, chiều ngang đầu phía Bắc là 0,16m, chiều ngang đầu phía Nam là 0,06m thuộc một phần thửa 217 là phù hợp, đây là lối đi thuận tiện và hợp lý nhất, có tính đến đặc điểm của thửa đất mở lối đi. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo không được chấp nhận nên ông Minh H1 và bà Bé T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2024/DS – ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 245, 254 Bộ luật Dân sự; các điều 5, 166, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé Đ về việc tranh chấp quyền về lối đi qua.

Buộc ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T tháo dỡ bức tường xây gạch dày 10cm, cao 2,2m, dài 05m; mở cho ông Nguyễn Văn Bé Đ lối đi tại vị trí có ký hiệu A, diện tích 0,4m², chiều dài 05m, chiều ngang đầu phía Bắc là 0,16m, chiều

ngang đầu phía Nam là 0,06m thuộc một phần thửa đất số 217, tờ bản đồ số 09, tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre do ông Nguyễn Minh H1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 17/4/2024 của Công ty TNHH T3 kèm theo).

Hạn chế quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T đối với diện tích đất được chấp nhận làm lối đi.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Bé Đ về yêu cầu mở lối đi đối với ông Nguyễn Minh D.

3. Ông Nguyễn Văn Bé Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T số tiền 7.237.000 đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng) gồm giá trị quyền sử dụng đất phần diện tích mở lối đi là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), giá trị bức tường xây gạch dày 10cm, cao 2,2m, dài 05m là 5.237.000 đồng (năm triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Văn Bé Đ tự nguyện chịu và đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (yêu cầu mở lối đi): buộc ông Nguyễn Văn Bé Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003617 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (bồi thường thiệt hại): ông Nguyễn Văn Bé Đ là người khuyết tật nên được miễn nộp án phí.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Minh H1 và bà Hồ Thị Bé T mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0003082 ngày 16/9/2024, 0006139 ngày 18/10/202 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên